

Số: /KH-UBND

Tam Đường, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững năm 2025 huyện Tam Đường

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Tam Đường về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

UBND huyện Tam Đường xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 với các nội dung, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ vào điều kiện của địa phương, đảm bảo thực hiện Chương trình hiệu quả, phù hợp với các quy định, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2025.

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực, huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thực hiện Chương trình và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, ban, ngành đoàn thể huyện; UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình; gắn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng triển khai với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, cơ quan, ban, ngành, đơn vị.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả, đúng quy định các nguồn lực để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ; phát huy vai trò làm chủ của người dân từ khâu xây dựng kế hoạch, đến tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá hiệu quả Chương trình giảm nghèo. Việc tổ chức triển khai các dự án, tiểu dự án của Chương trình phải phù hợp với các quy định và điều kiện thực tế trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều. Tập trung các nguồn lực, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin và việc làm; giảm thiểu tối đa hộ tái nghèo và phát sinh mới; thu hẹp khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo, giữa khu vực thành thị và nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo 5%, giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 3,37% (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

- Đào tạo nghề cho 1.114 lao động; Giải quyết việc làm cho 1.370 lao động.

+ 100% người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT theo quy định. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 14,98%; thể thấp còi còn 21,3%.

+ 13/13 xã, thị trấn giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3, GDTHCS mức độ 2); tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi: Tiểu học 100%, THCS 96,6%, THPT 61%.

+ 100% dân số thị trấn được sử dụng nước sạch, 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh 78%.

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia 100%; có khoảng 90% người nghèo có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ viễn thông.

+ 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo tại cấp huyện, cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 thực hiện trên phạm vi toàn huyện, trọng tâm là các xã, bản đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo). Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các xã, bản đặc biệt khó khăn.

c) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã; tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG, MỨC VỐN BỐ TRÍ, CƠ CẤU NGUỒN VỐN THEO TỪNG HOẠT ĐỘNG

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Nội dung hoạt động:

+ Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

+ Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

+ Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

+ Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

+ Một số nội dung hỗ trợ khác theo quy định của Chương trình MTQG giảm nghèo do đối tượng hỗ trợ lựa chọn.

b) Nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ (vốn sự nghiệp) là: 7.251 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện

- Phòng Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện:

+ Triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn của HĐND, UBND tỉnh; hướng dẫn UBND cấp xã được giao kinh phí thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo theo quy định.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án trên địa bàn theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã được giao kinh phí tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định, lựa chọn các mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo hiệu quả, phù hợp định hướng phát triển sản xuất ở địa phương, có khả năng nhân rộng; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn theo quy định.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Nội dung hoạt động: Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.

b) Nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương dự kiến (vốn sự nghiệp) là: 3.014 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện

- Phòng Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện:

+ Triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn của HĐND, UBND tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã được giao kinh phí tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các xã được giao kinh phí tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn theo quy định.

3.1. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Nội dung hoạt động: Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng (Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em được cấp sản phẩm dinh dưỡng. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em (Cân sức khỏe có thước đo chiều cao); Hoạt động truyền thông (Truyền thông tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ; Truyền thông về chăm sóc dinh dưỡng); Kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng các xã, thị trấn.

b) Nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương dự kiến (vốn sự nghiệp) là: 1.243 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện: Văn phòng HĐND-UBND huyện chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn đảm bảo hiệu quả; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn theo quy định.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Nội dung hoạt động: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

b) Nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ (vốn sự nghiệp) là: 748 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn huyện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Nội dung thực hiện: Tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác trên địa bàn huyện.

b) Nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ (vốn sự nghiệp) là: 523 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện: Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; hướng dẫn các xã, thị trấn thực

hiện nội dung rà soát, thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động; đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện nội dung được giao theo đúng quy định.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Nội dung thực hiện: Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, chuyên mục, phóng sự, tin, bài, ảnh về giảm nghèo trên Cổng thông tin điện tử, hệ thống phát thanh, truyền hình huyện; cung cấp ấn phẩm truyền thông giảm nghèo (Tờ gấp, băng rôn, áp phích...); tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình MTQG giảm nghèo trên địa bàn huyện.

b) Nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ (vốn sự nghiệp) là: 228 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thông và các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Nội dung thực hiện: Tổ chức mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp cơ sở; tổ chức các đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trong và ngoài tỉnh.

b) Nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ (vốn sự nghiệp) là: 759 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Nội dung thực hiện: Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2025 trên địa bàn huyện; các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các Dự án, tiểu Dự án, các chính sách giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025.

b) Nguồn vốn thực hiện: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ (vốn sự nghiệp) là: 251 triệu đồng.

c) Phân công thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các xã được giao kinh phí tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn theo quy định.

V. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2025 phù hợp thực trạng tại các xã. Hướng dẫn chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo chi tiết các xã. Đưa chỉ tiêu giảm nghèo vào Nghị quyết của cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Các cơ quan chuyên môn phối hợp cấp ủy, chính quyền cấp xã trong việc triển khai thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo có hiệu quả; Chỉ đạo, hỗ trợ các xã trong việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo với với chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện Chương trình.

3. Thực hiện tốt công tác huy động nguồn lực có hiệu quả các chính sách giảm nghèo với thực hiện chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn để mở rộng sinh kế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, lao động khu vực nông thôn; Bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng tham gia thực hiện Chương trình.

4. Làm tốt công tác tuyên truyền chương trình giảm nghèo của huyện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài truyền thanh, truyền hình); tổ chức tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo; thực hiện các chuyên mục thông tin tuyên truyền phổ biến, nhân rộng các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả về giảm nghèo; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong công tác giảm nghèo trong và ngoài tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan hướng dẫn các xã, thị trấn xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2025 theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan thành viên BCD các Chương trình MTQG huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch năm, tổng hợp kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương đảm bảo hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình.

3. Các cơ quan thành viên BCD chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Hướng dẫn cấp cơ sở triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện đối với các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình được phân công chủ trì đảm bảo về đối tượng, nội dung chính sách, tránh chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình chủ trì, thực hiện công tác báo cáo theo quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao, gửi về Phòng Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị xã hội huyện

Chỉ đạo Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị cấp xã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động, các phong trào hỗ trợ giảm nghèo như “Ngày vì người nghèo”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Cả nước chung tay vì người nghèo, không ai bị bỏ lại phía sau”, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, động viên khích lệ tính chủ động, tinh thần tự lực tự cường của người dân vươn lên thoát nghèo; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn bảo đảm sát với thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương (*kèm theo biểu tổng hợp và danh sách chi tiết hộ dự kiến thoát nghèo*); dự kiến kinh phí và gửi cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần, cơ quan chủ trì quản lý Chương trình và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, tích cực huy động thêm các nguồn lực khác tại địa phương thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 của UBND huyện. Yêu cầu các cơ quan, ban, ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp &MT;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Thịnh

BIỂU HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND huyện Tam Đường)

TT	Tên xã, thị trấn	Thời điểm 01/01/2025			Kế hoạch thực hiện trong năm 2025			Thời điểm 31/12/2025		
		Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	Số hộ dự kiến thoát nghèo	Số hộ phát sinh mới	Tỷ lệ giảm hộ nghèo	Ước Tổng số hộ dân cư	Số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo
1	TT Tam Đường	1.978	68	3,44	15	2	0,70	2.006	55	2,74
2	Bình Lư	1.253	136	10,85	50	3	3,82	1.266	89	7,03
3	Bản Giang	888	107	12,05	55	2	6,04	898	54	6,01
4	Bản Bo	1.213	120	9,89	70	3	5,58	1.228	53	4,32
5	Nà Tăm	737	56	7,60	11	3	1,17	747	48	6,43
6	Nùng Nàng	692	133	19,22	64	2	9,11	702	71	10,11
7	Tả Lèng	911	98	10,76	33	3	3,35	918	68	7,41
8	Giang Ma	788	93	11,80	17	2	2,03	798	78	9,77
9	Bản Hòn	606	105	17,33	51	2	8,24	616	56	9,09
10	Sơn Bình	1.008	89	8,83	23	2	2,23	1.030	68	6,60
11	Thèn Sin	765	167	21,83	80	2	10,42	780	89	11,41
12	Khun Há	1.113	230	20,66	100	2	9,12	1.143	132	11,55
13	Hồ Thầu	753	185	24,57	82	2	10,90	768	105	13,67
Tổng số		12.705	1.587	12,49	651	30	5,00	12.900	966	7,49

BIỂU HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND huyện Tam Đường)

Số TT	Tên xã, thị trấn	Thời điểm 01/01/2025			Kế hoạch thực hiện trong năm 2025					Thời điểm 31/12/2025
		Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo	Số hộ dự kiến thoát cận nghèo	Tỷ lệ giảm hộ cận nghèo	Ước tổng số hộ dân cư	Số hộ cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo	
1	TT Tam Đường	1.978	13	0,66	5	0,26	2.006	8	0,40	
2	Bình Lư	1.253	126	10,06	51	4,13	1.266	75	5,92	
3	Bản Giang	888	94	10,59	35	4,02	898	59	6,57	
4	Bản Bo	1.213	67	5,52	30	2,51	1.228	37	3,01	
5	Nà Tăm	737	39	5,29	8	1,14	747	31	4,15	
6	Nùng Nàng	692	60	8,67	30	4,40	702	30	4,27	
7	Tả Lèng	911	70	7,68	20	2,24	918	50	5,45	
8	Giang Ma	788	29	3,68	6	0,80	798	23	2,88	
9	Bản Hòn	606	182	30,03	70	11,85	616	112	18,18	
10	Sơn Bình	1.008	37	3,67	23	2,31	1.030	14	1,36	
11	Thên Sin	765	67	8,76	25	3,37	780	42	5,38	
12	Khun Há	1.113	219	19,68	100	9,27	1.143	119	10,41	
13	Hồ Thầu	753	48	6,37	16	2,21	768	32	4,17	
Tổng số		12.705	1.051	8,27	419	3,37	12.900	632	4,90	

